

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1623/2020/HC-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v KH kiện hành vi hành chính
về quản lý đất đai.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Hải Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Văn Cảnh

2/ Bà Võ Thị Hoài Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 226/HCST ngày 10 tháng 7 năm 2018 về việc “KH kiện hành vi hành chính về quản lý đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4298/2020/QĐXXST-HC ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9895/2020/QĐST-HC ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1944; Địa chỉ: xã B, huyện M, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của Người khởi kiện: Ông Lê Tiến Đ, sinh năm 1964; Địa chỉ: xã B, huyện M, Thành phố H, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 29/10/2018).

2. ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân Thành phố H; Địa chỉ: phường N, Quận M, Thành phố H.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số 490/11 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, Thành phố H.

3.2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1955; Địa chỉ: Số 12 tổ 19, khu phố 6, phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, Thành phố H.

Các đương sự: Ông Lê Tiến Đ, Bà Nguyễn Thị M có mặt; Ủy ban nhân dân Thành phố H vắng mặt; Ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản đối thoại, người khởi kiện có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Tiến Đ trình bày:

Vào năm 2000, bà N có lập Tờ ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã B chứng nhận số 86 ngày 07/01/2000 để ông Nguyễn Văn T hợp thức hóa xin cấp giấy chứng nhận đối với nhà đất tại xã B, huyện M. Nội dung tờ ủy quyền không thể hiện việc bà N ủy quyền cho ông T nhận bản chính giấy chứng nhận. Tuy nhiên, sau đó năm 2004 ông T cho bà N biết là cơ quan thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận cho vợ chồng bà N, ông T đã nhận bản chính giấy chứng nhận và chỉ gửi cho bà N 01 bản copy nhưng không có số hồ sơ gốc. Bà N yêu cầu ông T giao lại giấy chứng nhận cho bà N để bà N liên hệ cơ quan thẩm quyền điều chỉnh, vì có những sai sót như sau: Giấy chứng nhận cấp cho ông H (chết năm 1995) là không đúng, vì ông còn 03 người con; Mục II c/Sơ đồ trong giấy chứng nhận bỏ sót 01 căn nhà liền vách với nhà G83B (cấp GCN) là không đúng thực tế cũng như Bản đồ hiện trạng vị trí số 4532/ĐĐBĐ năm 1999; căn nhà trên cùng số G83B, hiện cho hộ Nguyễn Đức Quỳnh K ở nhờ; Giấy chứng nhận không thể hiện lối đi từ nhà G83B thông ra đường công cộng.

Nhưng ông T không đồng ý. Từ đó, ông không liên lạc với bà N và ông cũng không ở tại nơi thường trú nêu trên.

Liên quan đến việc ông T nhận bản chính giấy chứng nhận của bà N, PH ký nhận Giấy chứng nhận số 6467/00 ngày 06/8/2001 trong hồ sơ lưu trữ bà N trích lục năm 2018 không thể hiện giấy ủy quyền của bà N theo quy định tại mục “Ghi chú” về người đại diện nhận thay. Từ năm 2004 đến 2010, bà N nhiều lần gửi đơn đến Ủy ban nhân dân Thành phố H khiếu nại về việc đã giao bản chính giấy chứng nhận của bà N cho ông T. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thành phố không nhận đơn của bà N và “nói miệng”: Đơn của bà N không đủ điều kiện thụ lý. Từ năm 2011 – 2012, bà N nộp Đơn kêu oan về việc Ủy ban nhân dân thành phố không giải quyết việc giao giấy chứng nhận nhà đất không đúng chủ, nhưng không được thụ lý, với lý do như trên. Đến năm 2013 – 2014, bà N nộp Đơn xin hướng dẫn hồ sơ khiếu nại, nhưng không có kết quả. Năm 2015, bà N nộp Đơn xin giải quyết về việc Cơ quan giao bản chính giấy chứng nhận

nhà đất không đúng chủ. Như những lần trước, ông Bảo vệ nhận Đơn liên hệ Tổ tiếp nhận. Sau đó thông tin cho bà N về nội dung hướng dẫn của Văn thư (Huy) như sau: *Giấy chứng nhận của bà N kèm theo Đơn là bản copy, lại không có số Hồ sơ gốc, nên cơ quan không thể thụ lý; đề nghị bà N đến Chi cục Văn thư lưu trữ xin sao lục để xác định giấy chứng nhận thật-giả; sau đó gửi Đơn thư (bảo đảm) qua bưu điện (kèm giấy chứng nhận sao lục, giấy ủy quyền, chứng từ đăng bộ).* Tuy nhiên, việc trích lục gặp khó khăn, vì giấy chứng nhận không có số hồ sơ gốc. Sau đó, bà N lại bị bệnh về mắt nên tạm dừng việc khiếu nại để chữa bệnh. Đến tháng 12/2016, bà N gửi đơn thư như đã hướng dẫn và được Ủy ban nhân dân Thành phố nhận đơn, thể hiện tại Công văn số 166/TCD-XLD ngày 25/1/2017. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thành phố không giải quyết, đùn đẩy trách nhiệm qua Sở Tài nguyên và Môi trường. Nhưng Giám đốc Sở lại chuyển hồ sơ cho Văn phòng đăng ký đất đai thành phố. Sau khi mời bà N làm việc, Văn phòng đăng ký phát hành Công văn số 7534/VPĐK-KTTT ngày 16/5/2018 trả lời không thỏa đáng, cố tránh né trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường. Như vậy theo bà N, thời hiệu khiếu nại vụ việc của bà N tính từ năm có Công văn số 166/TCD-XLD của Ban TCD Thành phố. Nếu xét tại thời điểm 2004, thì ông T chỉ báo tin “miệng” về việc ông đã nhận giấy chứng nhận của bà N, chứ ông không đưa ra chứng cứ. Tuy nhiên, bà N vẫn liên tục khiếu nại (từ 2004 – 2015) nhưng không được thụ lý (vì tH chứng cứ), chứ không phải bà N không khiếu nại.

Hành vi giao bản chính giấy chứng nhận cho ông T của Ủy ban nhân dân thành phố gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà N từ 2001 đến nay. Do vậy, nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giao bản chính Giấy chứng nhận số 12390/2000 của ông Nguyễn Chí H - bà Nguyễn Thị N do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 17/10/2000 cho ông Nguyễn Văn T khi không có Giấy ủy quyền của bà N là trái quy định pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp lại bản chính Giấy chứng nhận cho bà N theo đúng quy định của pháp luật.

Theo Công văn trả lời ý kiến về yêu cầu khởi kiện số 3771/UBND-NCPC ngày 24/8/2018, Người bị kiện là Ủy ban nhân dân Thành phố H trình bày:

Ủy ban nhân dân Thành phố H đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố H kiểm tra lại việc thụ lý vụ án hành chính nêu trên do Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố không thực hiện hành vi giao

bản chính giấy tờ cho người khởi kiện. Đồng thời, thời điểm cấp giấy chủ quyền nhà đất đến nay đã gần 18 năm nên đề nghị kiểm tra về thời hiệu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Năm 1999 bà Nguyễn Thị M có nhờ ông làm dịch vụ về việc xin hợp thức hóa nhà ở cho bà N. Ngày 17/10/2000 Ủy ban nhân dân Thành phố H có cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12390/2000 cho bà Nguyễn Thị N.

Ngày 16/8/2001 ông đã ký nhận giấy chứng nhận nêu trên và sau đó giao cho bà Nguyễn Thị M.

Sau này, bà N qua bà M nhờ ông đi hợp thức hóa phần diện tích 800m² đất còn lại và lập lại Giấy ủy quyền vào năm 2001 và năm 2005. Bà N có đưa lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12390/2000. Do việc hợp thức hóa phần đất còn lại không thực hiện được nên ông đã đưa lại toàn bộ hồ sơ cho bà M, trong đó có Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12390/2000.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày:

Năm 1999 bà Nguyễn Thị N có nhờ bà làm dịch vụ về việc xin hợp thức hóa nhà ở cho bà N tại G83B ấp Hưng Lâm, xã B, huyện M, Thành phố H. Sau đó bà giới thiệu ông Nguyễn Văn T là người thực hiện việc hợp thức hóa nhà ở cho bà N. Năm 2000, bà N có làm giấy ủy quyền cho ông T đi liên hệ làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận. Ngày 17/10/2000 Ủy ban nhân dân Thành phố H có cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12390/2000 cho bà Nguyễn Thị N.

Ông T đã ký nhận giấy chứng nhận nêu trên và sau đó giao cho bà. Vào năm 2001, bà đã đưa lại giấy chứng nhận trên cho bà N.

Sau đó, ngày 14/3/2002, bà N có giao cho bà giấy tờ này và nhờ bà đi hợp thức hóa phần diện tích 800m² đất còn lại. Bà N hứa khi có sổ đỏ của lô đất trên sẽ đi công chứng trả thưởng liền một lúc cho bà là số đất bằng 50% số đất 800m². Có hợp đồng cam kết về việc xin hợp thức hóa nhà đất để được cấp sổ hồng và sổ đỏ ngày 30/12/2004. Việc hợp thức hóa phần đất còn lại chưa thực hiện được vì năm đó có Thông báo số 52 của nhà nước là đất công, đất vắng chủ của sỹ quan chế độ cũ bỏ đi nước ngoài do địa phương quản lý. Bà yêu cầu bà N và các con bà N thực hiện cam kết với bà, bà sẽ giao lại Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12390/2000 cho bà N.

Tại phiên tòa:

Đại diện Người khởi kiện giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị M giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát Thành phố H phát biểu ý kiến:

+ Về hình thức: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình do Luật Tố tụng hành chính quy định.

+ Về nội dung: Do yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện không có cơ sở pháp luật nên căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, gồm các yêu cầu: yêu cầu Tòa án tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giao bản chính Giấy chứng nhận số 12390/2000 cấp ngày 17/10/2000 của ông Nguyễn Chí H - bà Nguyễn Thị N do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn T khi không có Giấy ủy quyền của bà N là trái quy định pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp lại bản chính Giấy chứng nhận cho bà N theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố H vắng mặt, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 157; Khoản 1, Khoản 3 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Hành vi giao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12390/2000 ngày 17/10/2000 cho ông Nguyễn Văn T của Ủy ban nhân dân Thành phố H là hành vi hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Theo PH ký nhận GCN số 6467/00 ngày 06/8/2001 thì ông Nguyễn Văn T nhận Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12390/2000 ngày 17/10/2000 vào ngày 06/8/2001. Ngày

25/1/2017 Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố H có Công văn số 166/TCD-XLD về việc chuyển đơn phản ánh, kiến nghị của công dân cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N. Ngày 09/02/2018, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố đã mời bà N làm việc về nội dung đơn khiếu nại trên. Ngày 16/5/2018, Văn phòng đăng ký đất đai có Công văn số 7534/VPĐK-KTTT trả lời đơn khiếu nại của bà N. Ngày 06/6/2018 bà Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố H. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, xác định còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, yêu cầu Tòa án tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giao bản chính Giấy chứng nhận số 12390/2000 cấp ngày 17/10/2000 của ông Nguyễn Chí H - bà Nguyễn Thị N do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn T khi không có Giấy ủy quyền của bà N là trái quy định pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp lại bản chính Giấy chứng nhận cho bà N theo đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thẩm quyền: Ủy ban nhân dân Thành phố H là cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở quyền sử dụng đất ở số 12390/2000 cho ông Nguyễn Chí H - bà Nguyễn Thị N, do đó Ủy ban nhân dân Thành phố H cũng là cơ quan có thẩm quyền giao Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở quyền sử dụng đất cho người được cấp giấy.

Giấy ủy quyền có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B, huyện M số 86 ngày 07/01/2000 có nội dung: ông Nguyễn Văn T được đại diện cho bà N đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền liên hệ lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận hợp thức hóa nhà ở và quyền sử dụng đất cho căn nhà số G83B ấp Hưng Lân, xã B, huyện M, Thành phố H.

Việc ủy quyền sẽ chấm dứt sau khi các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp giấy tờ hợp thức hóa nhà và chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N.

Xét thấy, theo nội dung Giấy ủy quyền trên thì Bà N không xác định là ông Nguyễn Văn T không được ủy quyền để nhận bản chính Giấy chứng nhận, nhưng lại xác định việc ủy quyền sẽ chấm dứt sau khi các cơ quan chức năng có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N. Do đó, việc ông T đại diện cho bà N để nhận Giấy chứng nhận số 12390/2000 ngày 17/10/2000 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp cho ông Nguyễn Chí H - bà Nguyễn Thị N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 153 Bộ luật dân sự năm 1995.

Ngoài ra, theo các thỏa thuận của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị M tại Hợp đồng hứa trả thưởng năm 2004 và Hợp đồng cam kết về việc xin hợp thức hóa nhà - đất để được cấp sổ đỏ và sổ hồng ngày 30/12/2004 cùng Văn bản trình bày ý kiến của Đại diện người khởi kiện ngày 02/6/2020 thì có cơ sở để xác định là sau khi ông Nguyễn Văn T nhận Giấy chứng nhận số 12390/2000 ngày 17/10/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho ông Nguyễn Chí H - bà Nguyễn Thị N, thì giữa các bên còn tiếp tục thực hiện giao dịch dân sự khác, bà Nguyễn Thị M giữ Giấy chứng nhận số 12390/2000 ngày 17/10/2000 của bà Nguyễn Thị N là để tiếp tục thực hiện việc xin hợp thức hóa diện tích đất chưa có được cấp giấy chứng nhận tại cùng địa chỉ G83B ấp Hưng Lâm, xã B, huyện M, Thành phố H theo yêu cầu của bà N.

Theo Giấy ủy quyền có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B, huyện M số 73 ngày 15/6/2001 và Giấy ủy quyền có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B huyện M số 38 ngày 12/01/2005 thì đến năm 2005, bà N vẫn tiếp tục ủy quyền cho ông T đại diện cho bà N đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền liên hệ lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận hợp thức hóa nhà ở và quyền sử dụng đất cho căn nhà số xã B, huyện M, Thành phố H hiện do bà N sử dụng.

Xét thấy, nếu hành vi giao bản chính giấy chứng nhận cho ông T của Ủy ban nhân dân thành phố H gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà N từ 2001 đến nay như lời người khởi kiện trình bày thì giữa bà N, bà M và ông T sẽ không phát sinh các giao dịch nêu trên.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xác định hành vi giao bản chính giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn T của Ủy ban nhân dân Thành phố H không trái quy định pháp luật nên không có cơ sở để buộc Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp lại bản chính Giấy chứng nhận cho bà N theo yêu cầu của người khởi kiện.

Do yêu cầu của Người khởi kiện không có cơ sở pháp luật nên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện.

Về án phí: Tuy yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N không được Hội đồng xét xử chấp nhận nhưng bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà N được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, Khoản 1, Khoản 2 Điều 157; Khoản 1, Khoản 3 Điều 158, Khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; .

- Căn cứ Khoản 2 Điều 153 Bộ luật dân sự năm 1995.

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.

Xử :

1. Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị N gồm các yêu cầu sau:

- Tuyên hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12390/2000 cấp ngày 17/10/2000 của ông Nguyễn Chí H - bà Nguyễn Thị N do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn T khi không có Giấy ủy quyền của bà N là trái quy định pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp lại bản chính Giấy chứng nhận cho bà N theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N được miễn án phí hành chính sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0049018 ngày 04/07/2018 tại Cục thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán –
Chủ tọa phiên tòa**

Trần Văn Cảnh

Võ Thị Hoài Nam

Lê Hải Vân